

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 21/2018/HNGĐ-PT

Ngày 01 tháng 6 năm 2018

*V/v Chia tài sản chung sau ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền

*Các thẩm phán:*

Ông Thân Quốc Hùng

Ông Nguyễn Gia Lương

***-Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:***  
Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2018/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐ-PT, ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Chị H ủy quyền cho chị Bùi Thị T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Số Nhà 19, Thiều X, phường V, thị xã S, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 27/3/2018)

***-Người bảo vệ quyền và lợi pháp cho chị Bùi Thị Hồng:***

Luật sư Nguyễn Văn T - Văn phòng Luật sư T - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

**-Bị đơn:** Anh Đoàn Mạnh H, sinh năm 1982 (có mặt)  
Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

**-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Ủy quyền cho Ngân hàng chính sách huyện S (văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016)

Địa chỉ: Thôn Hạ 2, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang

Do ông Thân Văn Ti Chức vụ Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S, tỉnh Bắc Giang là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 203/QĐ-NHCS ngày 15/12/2017; Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

**-Người kháng cáo:** Nguyên đơn chị Bùi Thị H

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng trình bày:* Chị kết hôn với anh Đoàn Mạnh H năm 2006, do vợ chồng mâu thuẫn không ở được với nhau nên năm 2017 Tòa án đã giải quyết cho chị và anh H ly hôn và giải quyết về con chung; còn về tài sản chị và anh H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tài sản chung của chị và anh H gồm có: 01 nhà ống xây cấp 4 lợp tôn 40m<sup>2</sup> (xây năm 2007), trên diện tích đất ở 150m<sup>2</sup> mua năm 2006 (trong đó đất thổ cư 70m<sup>2</sup>, đất vườn 80m<sup>2</sup>), đất không có sổ lô , thửa thuộc thôn T , xã C, huyện S, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đoàn Mạnh H và Bùi Thị H số AD 792406, ngày 31/01/2008.

Về công nợ: Năm 2017 vay Phòng giao dịch N ngân hàng chính sách xã hội huyện S số tiền 50.000.000đ hiện nay chưa trả.

Chị yêu cầu Tòa án xác nhận và giải quyết tài sản , công nợ chung theo quy định của pháp luật; chị có nguyện vọng được sử hữu nhà + đất và trả tiền cho anh H.

Ngoài ra, còn một số tài sản nhỏ khác như: đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, hàng sắt và một số công nợ khác vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Đoàn Mạnh H xác nhận một phần lời khai của chị H anh trình bày:* Anh kết hôn với chị Bùi Thị H năm 2006, do vợ chồng mâu thuẫn năm 2017

Tòa án đã giải quyết cho anh và chị H được ly hôn và giải quyết về con chung; còn về tài sản anh và chị H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung gồm có: 01 nhà ống cấp 4 lợp tôn  $40m^2$ , trên diện tích đất ở  $150m^2$  (trong đó đất thổ cư  $70m^2$ , đất vườn  $80m^2$ ) không có sổ lô, thửa, tờ bản đồ thuộc thôn T, xã C, huyện S, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh và chị H số AD792406, ngày 31/01/2008.

Về công nợ: Năm 2017 vợ chồng vay Phòng giao dịch N ngân hàng chính sách xã hội huyện S số tiền 50.000.000đ chưa trả.

Về quyền đối với tài sản trên thì chỉ có anh và chị H là người có công đóng góp, ngoài ra không có ai khác. Về công sức đóng góp là khi mua đất bố mẹ để anh cho số tiền tương đương bằng  $\frac{3}{4}$  giá trị lô đất ; anh hiện nay không có lô đất ở hay nhà nào khác , do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được quy ền sở hữu nhà + đất, anh nhất trí trả tiền chênh lệch cho chị H; anh cũng đề nghị Tòa án chia tài sản cho anh phần nhiều hơn , vì anh được bố mẹ cho tiền đóng góp nhiều hơn trong quá trình hình thành tài sản; công nợ chia đôi mỗi người trả 1/2.

Ngoài ra, còn 1 số tài sản nhỏ khác như: Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, hàng sắt và một số công nợ khác anh và chị H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội huyện S do ông Thân Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 18/6/ 2017 anh Đoàn Mạnh H, chị Bùi Thị H có vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S số tiền 50.000.000đ, quá trình vay có làm hợp đồng vay nợ, thời hạn vay là 05 năm, lãi suất số tiền gốc vay 10.000.000 là 0.275%/tháng và số tiền gốc vay 40.000.000đ là 0.55%/tháng. Hiện anh H, chị H chưa trả số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 09/02/2018 là 185.000 đồng.

Nay Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa anh H và chị H thì Ngân hàng yêu cầu anh H, chị H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc + lãi trên theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên toà sơ thẩm:* Chị Bùi Thị H, anh Đoàn Mạnh H vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã trình bày ở trên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2017 đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả như sau: Diện tích đất là  $150m^2$  tại thôn T, xã C (trong đó có  $70m^2$  là đất ở và  $80m^2$  đất vườn trồng cây), có các cạnh hướng Tây dài 05m, hướng Đông dài 05m, hướng Nam dài 30m, hướng Bắc dài 30m.

Về tài sản trên đất gồm có : 01 nhà ống xây cấp 4 lợp tôn dài  $5 \times 7,9\text{m} = 39,5\text{m}^2$  + 01 bán mái lợp pờ rờ  $5 \times 3,8\text{m} = 19\text{m}^2$ ; 01 nhà tạm nằm trên đất hành lang giao thông và đất ở  $5,9 \times 5 = 29,5\text{m}^2$  + 01 bán mái lợp pờ rờ  $3 \times 5 = 15\text{m}^2$ ; 01 bếp xây tạm lợp tôn  $3,1 \times 2,2 \text{ m} = 6,82\text{m}^2$ .

Ngày 07/11/2017 anh H và chị H tự thỏa thuận giá trị tài sản như sau : Đất  $150\text{m}^2 = 250.000.000\text{đ}$ ; 01 nhà ống xây cấp 4 lợp tôn  $39,5\text{m}^2 = 30.000.000\text{đ}$ . Tổng giá trị tài sản: 280.000.000đ (Ngoài ra còn một số phần tài sản khác tự phân chia , không yêu cầu Tòa án phân chia, định giá).

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 02/2018/DSST-HNGĐ ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện S đã áp dụng các Điều 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 165 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 219 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14, ngày 30/12 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

Về phân chia tài sản như sau:

Giao cho anh Đoàn Mạnh H được quyền quản lý , sở hữu gồm: 01 nhà ống cấp 4 lợp tôn  $39,5\text{m}^2$ , 01 bán mái lợp pờ rờ  $19\text{m}^2$ , 01 nhà tạm nằm trên đất hành lang giao thông và đất ở  $29,5\text{m}^2$ , 01 bán mái lợp pờ rờ  $15\text{m}^2$ ; 01 bếp xây tạm lợp tôn  $6,82\text{m}^2$  trên diện tích đất ở  $150\text{m}^2$  (trong đó đất thổ cư  $70\text{m}^2$ , đất vườn  $80\text{m}^2$ ) không có sổ lô, thửa, tờ bản đồ thuộc thôn thượng, xã Cẩm Đàn, huyện S, đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đoàn Mạnh H và Bùi Thị H số AD792406, ngày 31/01/2008.

Anh Đoàn Mạnh H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S số tiền gốc + lãi tính đến ngày 09/02/2018 là 50.185.000đ.

Anh Đoàn Mạnh H phải trả tiền chênh lệch chia tài sản cho chị Bùi Thị H là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm (các bên không thỏa thuận được về lãi suất) tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí và phí thẩm định:

Về phí thẩm định : Chị H chịu 750.000đ (chị Hồng đã nộp đủ ), anh H chịu 750.000đ (số tiền anh H nộp trả cho chị H).

Về án phí : Chị H, anh H thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí DSST.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 23/02/2018 chị Bùi Thị H kháng cáo bản án. Do chị H là hộ nghèo nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Chị H kháng cáo đề nghị định giá lại tài sản là đất và đề nghị xem xét hủy bản án sơ thẩm và không hủy bản án thì đề nghị sửa bản án giao cho chị được quản lý, sử dụng hợp pháp là nhà và đất và trả cho anh H 300.000.000 đồng.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Nguyên đơn chị Bùi Thị H không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền là chị Bùi Thị T và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H trình bày và đề nghị: Chị H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Lý do căn cứ Điều 27 và khoản 5 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình quy định nguyên tắc giải quyết tài sản vợ chồng khi ly hôn cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên. Theo tài liệu xác minh luật sư đã xuất trình ngày 26/02/2018 anh H có 100m<sup>2</sup> đất do bố mẹ cho ở thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên, chị H không có chỗ ở nào khác phải ở nhờ bố mẹ đẻ và hiện đang được giao nuôi một con chung. Bản án sơ thẩm giao cho anh H nhà và đất ở và chia bằng tiền cho chị H là vi phạm khoản 5 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình giao nhà và đất ở cho chị H và chị H trả tiền cho anh H để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên, nếu không thì chia bằng hiện vật cho cả hai như sơ đồ chia mà luật sư gửi hội đồng xét xử. Cụ thể: giao cho chị H 3,5m mặt đường và dài 23m = 75m<sup>2</sup>, giao cho anh H (1,7m x 20m) + ( 5m x 7m) = 75m<sup>2</sup> phía sau.

Ngoài ra, Tại phiên tòa phúc thẩm thì chị H đề nghị chị nhận nhà và đất 150m<sup>2</sup> chị trả cho anh H 230.000.000 đồng và trả nợ Ngân hàng chính sách huyện S 50.185.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đề nghị của chị H.

Chị Bùi Thị H trình bày: Chị nhất trí ý kiến của luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đề nghị tự nguyện của chị: Chị được sử dụng nhà và đất, chị trả tiền cho anh H 230.000.000 đồng, trả nợ Ngân hàng 50.185.000 đồng.

Anh Đoàn Mạnh H trình bày: Anh không nhất trí ý kiến đề nghị của luật sư và chị H. Anh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì hiện tại anh không có chỗ ở nào khác, đất ở huyện K, tỉnh Hưng Yên luật sư trình bày anh đã bán cho anh trai anh để mua đất ở này, khi ly hôn Tòa án giao cho mỗi người nuôi dưỡng và chăm

sóc một con chung nhưng hiện tại hai con chung đang ở với anh, anh không còn chỗ ở nào khác. Theo định giá tài sản mà chị H yêu cầu thì đất trị giá 165.000.000 đồng như vậy anh nhận nhà, đất 150m<sup>2</sup> và trả chị H 100.000.000 đồng là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị H. Sửa bản án sơ thẩm. Giao nhà và đất ở cho anh H, anh H trả nợ Ngân hàng và trả chị H  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản. Căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản và công sức đóng góp của cả hai vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách huyện S do ông Thân Văn T đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Chị Bùi Thị H và anh Đoàn Mạnh H kết hôn vào ngày 10/02/2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị H đã khởi kiện xin ly hôn anh H. Tại bản án hôn nhân và gia đình số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang đã xử cho chị H được ly hôn anh H và giải quyết về con chung, không giải quyết về tài sản.

Ngày 02/10/2017 chị H khởi kiện đề nghị chia tài sản sau khi ly hôn, chị H và anh H đều xác định tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 nhà ống xây cấp 4 lợp tôn 39,5m<sup>2</sup> xây năm 2007, trên diện tích đất 150m<sup>2</sup> mua năm 2006 (trong đó đất thổ cư 70m<sup>2</sup>, đất vườn 80m<sup>2</sup>), đất không có sổ đỏ, thửa, tờ bản đồ thuộc thôn T, xã C, huyện S, đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đoàn Mạnh H và Bùi Thị H số AD 792406, ngày 31/01/2008; tổng giá trị tài sản nhà + đất anh H, chị H tự thỏa thuận là 280.000.000đ. Ngoài ra, tài sản trên đất còn có 01 bán mái lợp pơ rô 19m<sup>2</sup>, 01 nhà tạm nằm trên đất hành lang giao thông và đất ở 29,5m<sup>2</sup>, 01 bán mái lợp pơ rô 15m<sup>2</sup>; 01 bếp xây tạm lợp tôn 6,82m<sup>2</sup>, chị H, anh H xác định giá trị thấp không yêu cầu phân chia

Về công nợ: Năm 2017 vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S 50.000.000đ chưa trả + lãi tính đến ngày 09/02/2018 là 185.000đ.

Bản án sơ thẩm đã giao toàn bộ tài sản trên đất và đất ở, đất vườn cho anh H quản lý, sở hữu và anh H phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S số tiền gốc + lãi tính đến ngày 09/02/2018 là 50.185.000đ; anh H phải trả cho chị H bằng tiền 100.000.000 đồng. Chị H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo và đề nghị của chị Bùi Thị H. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Bùi Thị H; người đại diện ủy quyền của chị H là chị Bùi Thị T và luật sư đề nghị giao toàn bộ tài sản trên đất 150m<sup>2</sup> gồm: 70m<sup>2</sup> đất ở, 80m<sup>2</sup> đất vườn cho chị H; chị H trả nợ Ngân hàng chính sách huyện S theo như bản án sơ thẩm quyết định và trả bằng tiền cho anh H 230.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Chị H là phụ nữ, hiện tại không có chỗ ở phải ở nhờ bố mẹ đẻ và nuôi một con chung. Mặt khác, theo biên bản định giá tài sản ngày 21/5/2018 thì 70m<sup>2</sup> đất ở và 80m<sup>2</sup> đất vườn giá trị tính bằng tiền là 165.000.000 đồng và tài sản trên đất mà chị H và anh H đã thỏa thuận tại cấp sơ thẩm là 30.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của anh H, chị H là 195.000.000 đồng (theo thỏa thuận tại Tòa sơ thẩm thì tài sản chung có tổng giá trị bằng tiền là 280.000.000 đồng). Như vậy, với số tiền chị H tự nguyện trả cho anh H và trả nợ Ngân hàng thì anh H được lợi về tài sản; với số tiền 230.000.000 đồng anh H có đủ khả năng mua đất khác để tạo lập nơi ở mới. Mặc dù, anh H không đồng ý nhưng Hội đồng xét xử thấy đề nghị của chị H tại phiên tòa phúc thẩm tự nguyện lấy nhà, đất và trả nợ Ngân hàng chính sách huyện S 50.185.000 đồng, trả cho anh H 230.000.000 đồng là đảm bảo quyền lợi cho anh H và phù hợp nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ con chưa thành niên... theo khoản 5 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo và sự tự nguyện của chị Bùi Thị H. Sửa bản án sơ thẩm: Giao tài sản là nhà và các công trình trên đất và toàn bộ đất ở, đất vườn cho chị H quản lý, sử dụng. Chị H trả tiền cho anh H 230.000.000 đồng và trả nợ Ngân hàng chính sách huyện S 50.185.000 đồng.

[3] Về án phí, chi phí định giá tài sản:

Về chi phí định giá: Chi phí định giá tài sản hết số tiền 2.000.000 đồng. Chị H xin chịu cả. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Về án phí: Chị H, anh H thuộc hộ nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ NQ-UBTVQH ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự cho chị H, anh Hoán.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm có thiếu sót cần rút kinh nghiệm: Đối với số tiền mà Tòa sơ thẩm buộc anh H trả cho Ngân hàng huyện S 50.185.000 đồng gồm 50.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi tính đến khi xét xử sơ thẩm 09/02/2018 là 185.000 đồng nhưng lại không quyết định chịu lãi suất tiếp theo kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016. Nên Hội đồng xét xử bổ sung vào phần quyết định của bản án phúc thẩm để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo và tự nguyện của chị Bùi Thị H. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 33, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 148, Điều 165 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 219 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H.

2. Giao cho chị Bùi Thị H được quyền quản lý, sử dụng 01 nhà ống cấp 4 lợp tôn diện tích 39,5m<sup>2</sup>, 01 bán mái lợp pờ rô diện tích 19m<sup>2</sup>, 01 nhà tạm nằm trên đất hành lang giao thông và đất ở 29,5m<sup>2</sup>, 01 bán mái lợp pờ rô 15m<sup>2</sup>; 01 bếp xây tạm lợp tôn diện tích 6,82m<sup>2</sup> trên diện tích đất 150m<sup>2</sup> (trong đó đất thổ cư 70m<sup>2</sup>, đất vườn 80m<sup>2</sup>) có các cạnh hướng Tây rộng 05m, hướng Đông rộng 05m, hướng Nam dài 30m, hướng Bắc dài 30m thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00; Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện S, đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đoàn Mạnh H và Bùi Thị H số AD792406, ngày 31/01/2008.

Chị Bùi Thị H phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S số tiền gốc + lãi tính đến ngày 09/02/2018 là 50.185.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/02/2018) chị Bùi Thị Hồng phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay

thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Chị Bùi Thị H trả cho anh Đoàn Mạnh H số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm (các bên không thỏa thuận được về lãi suất) tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

### 3. Về án phí, chi phí định giá:

- Về chi phí định giá: Chị Bùi Thị H phải nộp 2.000.000 đồng. Xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền 2.000.000 đồng.

- Về án phí chia tài sản: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Bùi Thị H, anh Đoàn Mạnh H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Hoàng Thị Thu Hiền**

